

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về nhiệm vụ:

- Tên nhiệm vụ: Điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững rừng phòng hộ, đặc dụng tỉnh Ninh Bình (khu vực tỉnh Ninh Bình cũ), giai đoạn 2021-2030 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Ninh Bình đang quản lý, bảo vệ.

- Tên gói thầu: Tư vấn lập điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững rừng phòng hộ, đặc dụng tỉnh Ninh Bình (khu vực tỉnh Ninh Bình cũ), giai đoạn 2021-2030 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Ninh Bình đang quản lý, bảo vệ

- Phạm vi thực hiện: 13.276 ha nằm trên địa bàn 21 xã, phường trong đó: (do Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Ninh Bình đang quản lý, bảo vệ: 12.436,19 ha và Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường quản lý: 839,81 ha (loại rừng đặc dụng)), bao gồm: Trung Sơn, Yên Sơn, Yên Thắng, Hoa Lư, Tây Hoa Lư, Nam Hoa Lư, Tam Điệp, Phúc Sơn, Quỳnh Lưu, Đại Hoàng, Gia Hưng, Gia Trần, Gia Vân, Gia Viễn, Kim Đông, Yên Mạc, Cúc Phương, Đồng Thái, Gia Lâm, Gia Tường, Phú Long.

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước 30/6/2026.

- Mục tiêu chung: Rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt của các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng cũ (trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cũ), giai đoạn 2021-2030 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Ninh Bình đang quản lý, bảo vệ nhằm đảm bảo tổ chức triển khai thực hiện với tầm nhìn tổng thể, đồng bộ cho các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao giá trị môi trường; kết hợp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn lực phù hợp với các yêu cầu của pháp lý, thực tiễn, quy hoạch và chủ trương, định hướng chung về quản lý tài nguyên rừng bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2030.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Giữ vững và nâng cao chất lượng rừng hiện có; bảo đảm diện tích rừng không bị suy giảm.

+ Tăng cường năng lực bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sinh vật gây hại; Quản lý ranh giới, mốc giới rừng rõ ràng, đúng quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

+ Thực hiện quản lý rừng theo nguyên tắc bền vững, công khai, có sự tham gia của cộng đồng và các bên liên quan; Tổ chức khai thác, tận thu, sử dụng tài nguyên rừng hợp lý, không làm suy thoái rừng.

+ Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế của rừng trồng và rừng tự nhiên được phép khai thác.

+ Thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, tái sinh tự nhiên nhằm gia tăng diện tích và độ che phủ rừng.

+ Khai thác và phát huy hiệu quả các dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gắn với bảo tồn.

+ Bảo tồn, phục hồi các hệ sinh thái rừng, nguồn gen quý hiếm, cảnh quan tự nhiên và đa dạng sinh học góp phần duy trì cân bằng sinh thái, bảo vệ đất, nước, chống xói mòn, hạn chế thiên tai.

+ Tăng khả năng hấp thụ và lưu trữ các-bon của rừng, đóng góp vào giảm phát thải khí nhà kính nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, thiên tai, và suy thoái môi trường.

+ Tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống cho người dân địa phương, đặc biệt là cộng đồng sống gần rừng, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường trong sử dụng rừng.

+ Nâng cao nhận thức cộng đồng, khuyến khích người dân tham gia quản lý, bảo vệ và phát triển rừng góp phần giữ gìn văn hóa, phong tục, tập quán truyền thống gắn với tài nguyên rừng.

- Nội dung thực hiện:

+ Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh; thực trạng hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan.

+ Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững trong giai đoạn thực hiện phương án.

+ Xác định diện tích rừng tại các phân khu chức năng cần phục hồi và bảo tồn và chức năng phòng hộ của rừng.

+ Xác định kế hoạch quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng.

+ Giải pháp thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phương án rừng bền vững.

2. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu:

Lựa chọn nhà thầu tư vấn đáp ứng đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện đầy đủ các yêu cầu của gói thầu, đảm bảo tiến độ và chất lượng.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu,

- Tóm tắt công việc chính của gói thầu:

+ Rà soát, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; thực trạng hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học di tích lịch sử, văn hoá, cảnh quan; hiện trạng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc

dụng Ninh Bình; hiện trạng tài nguyên rừng, các loài động và thực vật rừng chủ yếu, nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu và sinh cảnh sống; tài nguyên đa dạng sinh học; hiện trạng cơ sở hạ tầng, các chương trình dự án đã thực hiện; Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng.

+ Hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững rừng phòng hộ, đặc dụng tỉnh Ninh Bình, giai đoạn 2021-2030.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước (tại Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 và Quyết định số 1581/QĐ-SNNMT ngày 30/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026).

- Chủ đầu tư: Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm Ninh Bình

- Thời gian, tiến độ thực hiện: 60 ngày

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn:

Thông tin trong các bảng phạm vi công việc dưới đây là cơ sở để nhà thầu lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương IV – Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

TT	Các bước công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ		
1	Thu thập thông tin, tư liệu liên quan phục vụ nhiệm vụ (Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha)	Nhiệm vụ	1
2	Thiết kế kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1
3	Lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ (Từ 10.000 ha đến dưới 30.000 ha)	Nhiệm vụ	1
II	CÔNG TÁC THỰC ĐỊA		
1	Rà soát, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh; thực trạng hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học di tích lịch sử, văn hóa, cảnh quan		
1.1	Sơ thám, thu thập số liệu, làm thủ tục hành chính với cấp xã phục vụ nhiệm vụ	Xã, chủ rừng	21
1.2	Thu thập bổ sung các số liệu, báo cáo thống kê về tình hình dân sinh, kinh tế - xã hội (21 xã)		21
1.3	Phỏng vấn cán bộ, người dân địa phương về điều kiện dân sinh, kinh tế xã hội tại khu vực (10 người/xã x 21 xã)	Người	210
2	Rà soát đánh giá hiện trạng diện tích rừng và đất lâm nghiệp của BQL		

TT	Các bước công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
2.1	Chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái ở những khu vực có sự thay đổi, khoảng 20% diện tích (20% x (13276/50) ha = 53,1 ha) (bay dạng tuyến)	50 ha	53,10
2.2	Điều tra, khoanh vẽ theo phương pháp khoanh lô dốc đối diện tỷ lệ 1/25.000 ở những khu vực có sự thay đổi, khoảng 20% diện tích (20% x 13276 ha = 2.655,2 ha)	ha	2.655,20
3	Rà soát, đánh giá hiện trạng tài nguyên rừng, các loài động và thực vật rừng chủ yếu, nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu và sinh cảnh sống của chúng; tài nguyên đa dạng sinh học		
3.1	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra đa dạng thực vật rừng; hệ sinh thái rừng; tái sinh rừng trên tuyến điều tra	km	30
3.2	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra đặc điểm lâm học; cấu trúc; tầng trưởng rừng trên tuyến điều tra	km	30
3.3	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra động vật rừng trên tuyến điều tra	km	30
3.4	Mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, điều tra lâm sản ngoài gỗ trên tuyến điều tra	km	30
4	Rà soát, đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; hiện trạng cơ sở hạ tầng, các chương trình dự án đã thực hiện		
4.1	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá tình hình sinh trưởng của rừng; nguy cơ mất rừng; suy thoái rừng; cháy rừng; suy giảm tính đa dạng sinh học và các tác động tiêu cực khác đến rừng (1 điểm/xã x 22 xã)	điểm	21
4.2	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách lâm nghiệp trên địa bàn cấp xã (1 cơ chế, chính sách/xã x 21 xã)	Cơ chế, chính sách	21
4.3	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá thực trạng các mô hình trồng rừng, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu (1 mô hình/xã x 21 xã)	Mô hình	21
5	Xác định hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng		
5.1	Điều tra, khoanh vẽ bản đồ phân bố không gian các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng (20% tổng diện tích) (20% x 13276 ha = 2.655,2 ha)	ha	2.655,20
5.2	Điều tra, thu thập số liệu, đánh giá tình hình phát triển du lịch, dịch vụ (khoảng 2 điểm/xã x 21 xã)	Tuyến, điểm du lịch	42
5.3	Điều tra thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý, bảo vệ rừng (21 xã)	Trạm, trại	21
5.4	Điều tra, thu thập số liệu hạ tầng giao thông liên quan đến các hoạt động lâm nghiệp (2 km/xã x 21 xã)	Km	42

TT	Các bước công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
III	CÔNG TÁC NỘI NGHIỆP		
1	Tổng hợp, tính toán số liệu, xây dựng bản đồ		
1.1	Ghép ảnh, xử lý ảnh, xây dựng bản đồ hiện trạng rừng và tính toán các chỉ tiêu của trạng thái rừng từ ảnh chụp bằng thiết bị bay không người lái (Tỷ lệ 1/10.000)	ha	53,10
1.2	Tính toán số liệu điều tra đa dạng thực vật rừng; hệ sinh thái rừng; tái sinh rừng, lâm học, cấu trúc, tầng trưởng rừng, trên tuyến điều tra	km	30
1.3	Tính toán số liệu điều tra động vật rừng trên tuyến điều tra	km	30
1.4	Tính toán số liệu điều tra lâm sản ngoài gỗ trên tuyến điều tra	km	30
1.5	Tính toán số liệu tại các điểm điều tra	điểm điều tra	21
1.6	Lập danh mục các loài thực vật rừng	Danh mục	1
1.7	Lập danh mục các loài động vật rừng	Danh mục	1
1.8	Lập danh mục loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	Danh mục	1
2	Xây dựng bản đồ các loại		
1.1	Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng bản đồ hiện trạng rừng (Tỷ lệ 1/25.000)	Mảnh	1
1.2	Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng Bản đồ hiện trạng sử dụng đất (tỷ lệ 1/25.000)	Mảnh	1
1.3	Hiệu chỉnh kết quả sau điều tra thực địa và biên tập xây dựng Bản đồ quản lý rừng bền vững (tỷ lệ 1/25.000)	Mảnh	1
1.4	Hoàn thiện bản đồ phân bố các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm	Bản đồ	1
1.5	Hoàn thiện bản đồ phân bố không gian các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dưới tán rừng	Bản đồ	1
2	Tổng hợp xây dựng báo cáo phương án		
2.1	Phân tích số liệu điều tra cơ bản phục vụ viết báo cáo phương án	Báo cáo	1
2.2	Viết báo cáo Phương án quản lý rừng bền vững của BQL rừng phòng hộ, đặc dụng tỉnh Ninh Bình	Báo cáo	1
2.3	Hội nghị, hội thảo tại địa phương, cơ sở	Hội nghị, hội thảo	1
10	Chỉnh sửa tài liệu, báo cáo sau hội nghị, hội thảo	Báo cáo	1
11	In ấn, giao nộp tài liệu, thành quả	Nhiệm vụ	1

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV: Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện Hợp đồng.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Các báo cáo phải nộp:

1. Rà soát, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững rừng phòng hộ, đặc dụng tỉnh Ninh Bình (khu vực tỉnh Ninh Bình cũ), giai đoạn 2021-2030 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Ninh Bình đang quản lý, bảo vệ: 05 bộ.

2. Rà soát, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống bản đồ

- Bản đồ hiện trạng rừng theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016 (tỷ lệ 1/25.000): 05 bộ.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định (tỷ lệ 1/25.000): 05 bộ.

- Bản đồ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn Việt Nam số TCVN 11565:2016 (tỷ lệ 1/25.000): 05 bộ.

3. Bộ đĩa DVD bao gồm các sản phẩm đã rà soát, cập nhật và bổ sung, bao gồm: Báo cáo điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững rừng phòng hộ, đặc dụng tỉnh Ninh Bình (khu vực tỉnh Ninh Bình cũ), giai đoạn 2021-2030 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Ninh Bình đang quản lý, bảo vệ; hệ thống bản đồ; các hồ sơ, tài liệu có liên quan: 05 bộ.

4. Quyết định phê duyệt điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững rừng phòng hộ, đặc dụng tỉnh Ninh Bình (khu vực tỉnh Ninh Bình cũ), giai đoạn 2021-2030 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng Ninh Bình đang quản lý, bảo vệ.

- Tiến độ nộp báo cáo: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư, cụ thể trong quá trình thương thảo hoàn thiện Hợp đồng.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhà thầu bố trí nhân sự chủ chốt cung cấp dịch vụ đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Chương III của E-HSMT.

- Nêu rõ cách thức làm việc của nhóm cung cấp dịch vụ, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng vị trí.

- Các nhân sự phải tuân thủ nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, chính trực, khách quan; có năng lực chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm thực tế và tính thận trọng, bí mật; có tư cách nghề nghiệp và tuân thủ chuẩn mực chuyên môn.

- Ngoài các nhân sự chủ chốt đã đề xuất, trong trường hợp cần thiết nhà thầu tư vấn có thể bố trí các nhân sự khác hỗ trợ để đảm bảo việc tiến độ, chất lượng, đáp ứng mọi nhiệm vụ theo yêu cầu của gói thầu.

V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu cần thiết có liên quan, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện công việc tư vấn;

- Bố trí những người có trách nhiệm và chuyên môn làm việc với nhà thầu.

- Phối hợp với các đơn vị khác có liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi để Nhà thầu tư vấn thực hiện hợp đồng đạt kết quả yêu cầu;

- Tổ chức đi thực địa khi có yêu cầu của nhà thầu (trong trường hợp cần thiết);

- Thông báo cho Nhà thầu tư vấn để giải trình kết quả thực hiện gói thầu trong quá trình thẩm định và phê duyệt;

- Cùng bàn bạc và đi đến thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của nhà thầu;

- Thực hiện biện pháp khắc phục các tồn tại được phát hiện trong quá trình thực hiện gói thầu;

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu và thanh toán theo quy định hiện hành.